



VN VIETNAM

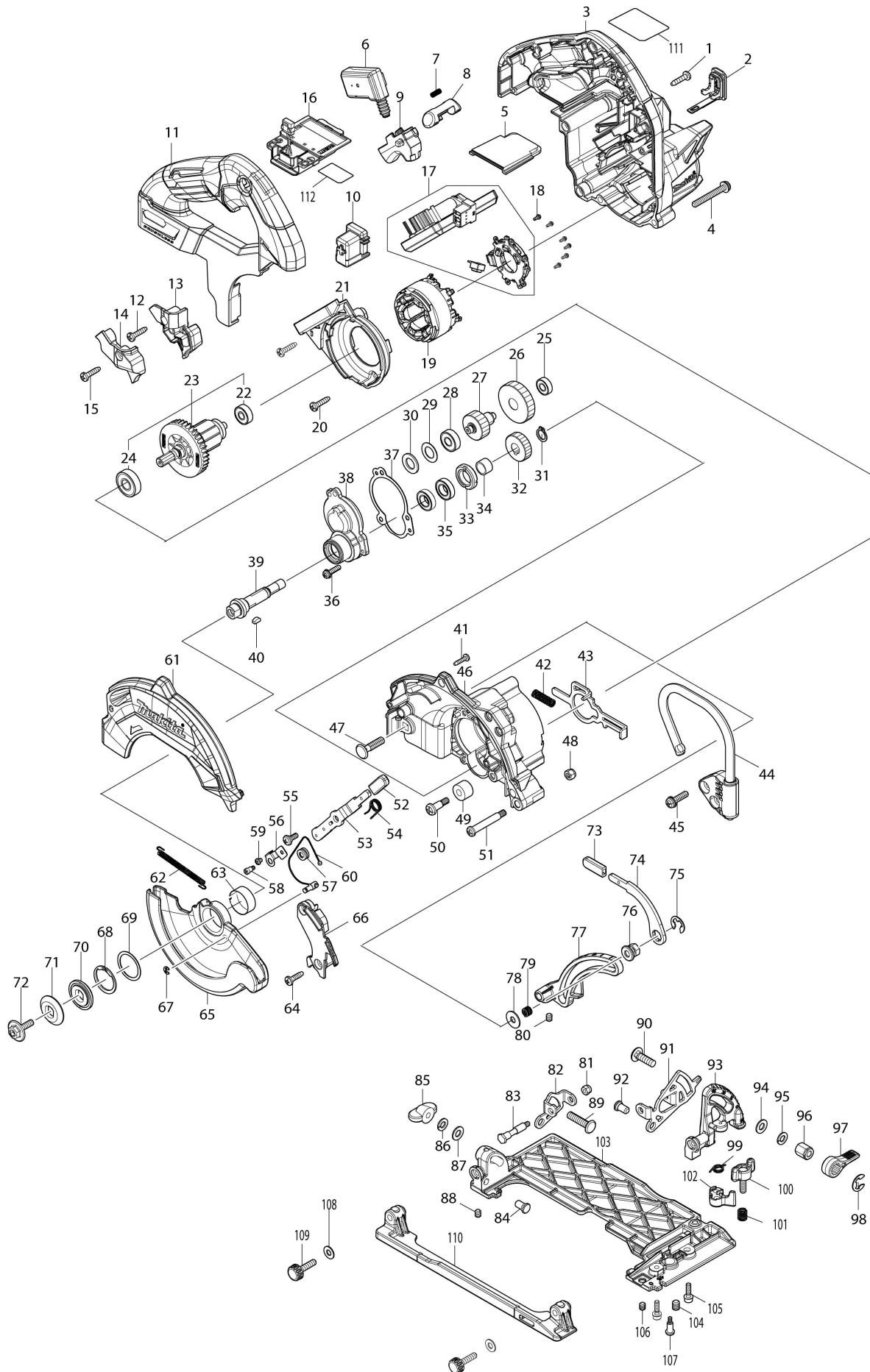
Sơ đồ / Danh sách bộ phận

HS014G

Máy Cưa Đĩa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin



(VN) HS014G / Máy Cưa Đĩa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin



HS014G / Máy Cưa Đĩa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin

Mục	Phụ	Số bộ phận	Mô tả bộ phận	SLg	I/C	Số E/C	Số đóng	Ghi chú
001		266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18	6				
002		140F99-0	Nắp hoàn chỉnh	1				
	C10	213A05-9	Vòng đệm-o 16	1				
003		1832F3-4	MOTOR HOUSING SET	1				
	C10	263005-3	Chốt cao su 6	2				
	D10		INC. 11					
004		911263-2	Vít dầu dù M5X40 WR	3				
005		413J82-7	Nắp giữ ống nước	1				
006		650039-9	Công tắc C3XB-1LPSPM	1				
007		231433-0	Lò xo nền 4	1				
008		459264-7	Nút nhả khóa	1				
009		413975-8	Thanh gạt công tắc	1				
010		459256-6	Giá đỡ	1				
011		1832F3-4	MOTOR HOUSING SET	1				
	C10	263005-3	Chốt cao su 6	2				
	D10		INC. 3					
012		266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18	1				
013		4135H2-7	LIGHT CASE	1				
014		4135H3-5	LIGHT COVER	1				
015		266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18	1				
016		632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối	1				
017		620T80-6	CONTROLLER	1				
018		652119-7	Vít dầu dù M2X6	6				
019		629C17-8	Stato	1				
020		266326-2	Vít tự cắt ren đầu siết 4X18	2				
021		412740-2	Tấm chắn gió	1				
022		211012-0	Bạc đạn 606ZZ	1				
023		519640-8	Bộ rôto	1				
	D10		INC. 22,24					
024		210051-7	Bạc đạn 609LLB	1				
025		210033-9	Bạc đạn 696ZZ	1				
026		226883-2	Nhông xoắn 45	1				
027		226881-6	Nhông xoắn 21	1				
028		210062-2	Bạc đạn 607ZZ	1				
029		253376-6	Long đèn đệm phẳng 11	1				
030		262180-2	Vòng cao su 11	1				
031		961006-2	Vòng giữ (ext) S-10	1				
032		226882-4	Nhông xoắn 22	1				
033		285847-5	Chốt giữ ổ đệm 14-23	1				
034		257493-4	Chụp giữ mũi 10	1				
035		211485-7	Bạc đạn 6800LLU	2				
036		911128-8	Vít dầu dù M4X16 WR	3				
037		459253-2	Miếng đệm nong	1				
038		137488-2	BEARING BOX ASS'Y	1				
	C10	263002-9	Chốt cao su 4	1				
039		327G69-4	SPINDLE	1				
040		254031-3	Chốt khóa la vết 3	1				
041		266404-8	Vít tự cắt ren đầu siết 3X14	3				
042		233117-6	Lò xo nền 6	1				
043		347643-0	Khóa trục	1				
044		122L07-9	HOOK ASSEMBLY	1				
045		911233-1	Vít dầu dù M5X20 WR	2				
046		1413H8-0	GEAR HOUSING COMPLETE	1				
	C10	213953-6	Vòng đệm-o 24	1				
047		266931-5	Ổ chống xoay đầu hăng M6X25	1				
048		252103-8	Đai ốc khóa lục giác M5-8	1				
049		262511-5	Ổng đệm cao su 6	1				
050		265115-2	Vít dầu dù vai gờ M5X19	1				
051		265056-2	Vít dầu dù vai gờ M5	1				
052		286036-5	Nắp	1				
053		347E94-7	OPEN LEVER	1				
054		232854-9	Lò xo xoắn 10	1				
055		265028-7	Vít dầu dù vai gờ M4X11	1				
056		347E95-5	ROLLER PLATE	1				
057		4135H0-1	ROLLER	1				

Thay thế

O : O : Có

X : X : Không

< : < : bộ phận mới có thể thay thế bộ phận hiện tại.

> : > : bộ phận hiện tại có thể thay thế bộ phận mới.

S : S : Có thể thay thế như một bộ.

HS014G / Máy Cưa Đĩa Cầm Tay Hoạt Động Bằng Pin

Mục	Phụ	Số bộ phận	Mô tả bộ phận	SLg	I/C	Số E/C	Số đóng	Ghi chú
058		251484-7	Vít vai gờ phẳng M3X4	1				
059		265040-7	Vít đầu dù M3X4	1				
060		162E52-0	Dây cáp điện	1				
061		4135G8-8	BLADE COVER	1				
062		232994-3	Lò xo thẳng 3	1				
063		347F01-6	THICKNESS RING 23	1				
064		266034-5	Vít tự cắt ren đầu siết 4X16	2				
065		4135G9-6	SAFETY COVER	1				
066		4135H1-9	BLOWER COVER	1				
067		961017-7	Vòng chặn (EXT) E-3	1				
068		961122-0	Vòng giữ (ext) tròn S-22	1				
069		267471-6	Long đèn đệm phẳng 23	1				
070		224417-5	Mặt bích bên trong 28	1				
071		224421-4	Mặt bích ngoài 28	1				
072		266458-5	Bu-lông vành đầu lục giác lỗ lục gi- ...	1				
073		286036-5	Nắp	1				
074		347087-4	Thanh khóa mở	1				
075		257982-9	Vòng chặn cung (EXT) E-8	1				
076		252265-2	Đai ốc lục giác M6	1				
077		312K08-1	DEPTH GUIDE	1				
078		253047-5	Long đèn đệm phẳng 6	1				
079		232556-7	Lò xo nển 6	1				
080		266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (đầu phần- ...	1				
081		252126-6	Đai ốc khóa lục giác M4-7	1				
082		347511-7	Thanh dẫn góc sau	1				
083		266932-3	Bu-lông đầu lục giác M4	1				
084		256336-7	Ghim ngang 6-7	1				
085		252631-3	Đai ốc có tai vện M6	1				
086		253473-8	Vòng đệm lò xo sóng 6	1				
087		941151-9	Long đèn đệm phẳng 6	1				
088		266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (đầu phần- ...	1				
089		266309-2	Ốc chống xoay đầu hăng M6X26	1				
090		251919-8	Ốc chống xoay đầu hăng M6X20	1				
091		347510-9	Dẫn hướng góc	1				
092		256336-7	Ghim ngang 6-7	1				
093		312K07-3	ANGULAR PLATE	1				
094		941151-9	Long đèn đệm phẳng 6	1				
095		253473-8	Vòng đệm lò xo sóng 6	1				
096		252133-9	Đai ốc lục giác M6	1				
097		272251-7	Đòn bẩy 30	1				
098		961014-3	Vòng chặn (EXT) E-8	1				
099		231661-7	Lò xo xoắn 9	1				
100		265761-1	Ốc vít có tai vện M5X16	1				
101		231456-8	Lò xo nển 7	1				
102		317574-7	Nút dừng	1				
103		312K04-9	BASE	1				
104		266225-8	Vít không đầu lỗ lục giác (đầu phần- ...	1				
105		251501-3	Bu-lông đầu lỗ lục giác M4X14	2				
106		266264-8	Vít không đầu lỗ lục giác (đầu phần- ...	1				
107		265A32-2	Vít đầu dù vai gờ M3	1				
108		941101-4	Long đèn đệm phẳng 5	2				
109		252272-5	Ốc vít có tai vện M5X21	2				
110		1413H7-2	SUB BASE COMPLETE	1				
111		8155X6-1	HS014G NAME PLATE	1				
112		8155X7-9	HS014G SERIAL NO. LABEL	1				
A01		194202-9	Bộ vòi xả bụi	1				
	C10	911128-8	Vít đầu dù M4X16 WR	1				
A02		E-28880	TCT SAW EFFI 125X25T	1				
A03		783217-7	Cờ lê lục giác 5	1				
F07		1913K5-7	Bộ bàn kẹp đẩy	1				
F12		1918P3-6	GUIDE RULE SET	1				
F13		194202-9	Bộ vòi xả bụi	1				
F14		194367-7	Bộ ray dẫn hướng 3000	1				
F15		194368-5	Bộ ray dẫn hướng 1400	1				
F16		194385-5	Bộ kẹp	1				

Thay thế

O : O : Có

X : X : Không

< : < : bộ phận mới có thể thay thế bộ phận hiện tại.

> : > : bộ phận hiện tại có thể thay thế bộ phận mới.

S : S : Có thể thay thế như một bộ.

